

Mấy vấn đề lý luận về xung đột tộc người trên thế giới hiện nay

Lê Hải Đăng^(*)

Tóm tắt: Xung đột tộc người là vấn đề không mới nhưng luôn “nóng” bởi tính chất phức tạp và hậu quả nặng nề do nó để lại. Xung đột tộc người giờ đây không chỉ là vấn đề đơn lẻ của mỗi quốc gia mà còn trở thành vấn đề nhức nhối của nhân loại trên toàn cầu bởi nó ngày càng gia tăng theo cấp số nhân, đa dạng về nguyên nhân và diễn biến khó lường. Bài viết tập trung kiến giải và làm sáng rõ vấn đề xung đột tộc người dưới góc độ lý luận qua một số quan điểm và lý thuyết có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành những quan điểm hiện nay đang được sử dụng để nghiên cứu và giải thích về vấn đề xung đột tộc người, nguyên nhân và tác động của nó đến đời sống xã hội.

Từ khóa: Xung đột, Tộc người, Xung đột tộc người, Lý luận

Abstract: Ethnic conflict is a traditional but hot-button issue due to its complexity and the potentially heavy consequences that may ensue. At present, ethnic conflict is not a matter of a single country but the whole world community for its exponential increase, various causes and unpredictability. The article explains and clarifies ethnic conflict from a theoretical perspective through several profoundly influential ideas and theories nowadays on the causes and impacts of ethnic conflict on social life.

Keywords: Conflict, Ethnic Group, Ethnic Conflict, Theory

1. Đặt vấn đề

Thời gian qua, trên thế giới liên tiếp nổ ra những cuộc xung đột, trong đó có một số cuộc xung đột liên quan đến tộc người, tôn giáo hoặc xen lẫn cả tộc người và tôn giáo. Điển hình là xung đột ở những khu vực với lịch sử dai dẳng như vấn đề Islam giáo ở một số quốc gia Trung Đông - Bắc Phi, hay những xung đột đáng chú ý mới nổi lên ở các khu vực như Đông Nam Á,

Tân Cương - Trung Quốc, Ấn Độ và các khu vực khác trên thế giới. Chúng biểu hiện khá đa dạng và phức tạp thông qua các hình thức và phương thức khác nhau. Dù liên quan đến tộc người, tôn giáo hay đan xen thì các cuộc xung đột luôn là mối quan tâm, lo lắng của người dân, của các tổ chức quốc tế cũng như của nhiều quốc gia trên thế giới. Có thể nói, tất cả các cuộc xung đột từ trước đến nay đều để lại những hậu quả vô cùng nặng nề, thậm chí biến thành những cuộc chiến tranh thảm khốc kéo dài nhiều năm khiến biết bao dân thường vô tội luôn phải sống trong tình trạng căng thẳng,

^(*) PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: lehaidang74@gmail.com

lo âu và sợ hãi. Xung đột tộc người là vấn đề có tính phức hợp, đan xen và phức tạp, vì vậy việc tìm hiểu và giải quyết xung đột tộc người trên thế giới trở thành lĩnh vực, đối tượng được nhiều ngành khoa học quan tâm và là vấn đề quyết định cho nền hòa bình và an ninh thế giới, mang lại hạnh phúc cho người dân.

Theo Phan Hữu Dật (2001: 91), xung đột tộc người là dạng cao nhất của xung đột xã hội mà tập trung trong nó những mâu thuẫn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tộc người, từ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo, ý thức hệ... Cùng hướng nghiên cứu này, Cung Kim Tiến, (2004: 792) cho rằng, ở nhiều nơi yếu tố tôn giáo nổi lên đóng vai trò quan trọng trong xung đột tộc người và được coi như xung đột tôn giáo xã hội. Đôi khi, một số nghiên cứu về các vấn đề tộc người đánh giá chưa đầy đủ, hoặc bỏ qua một cách đáng tiếc vai trò của những xung đột trong nội bộ một tộc người và những mối liên hệ xã hội - giai cấp trong khuôn khổ của các cộng đồng người.

Trên bình diện chung rộng lớn hơn, những xung đột tộc người nảy sinh do việc phân phối có tính chất phân biệt đối xử giữa các tộc người đối với toàn bộ tài nguyên và những nguồn dự trữ mà một xã hội nhất định có quyền sử dụng, cũng như sự không bình đẳng trong các nguyên tắc phân phối. Có thể xem xét tộc người như một cơ thể xã hội, trong đó bao gồm những cá nhân, tầng lớp, giai cấp (trong xã hội có giai cấp). Những cá nhân riêng biệt giữ những địa vị khác nhau trong xã hội đều tham dự làm thành viên, thậm chí của nhiều nhóm khác nhau, bảo vệ dưới hình thức này hoặc hình thức khác những lợi ích của mình trong khuôn khổ một cộng đồng lớn hơn - cộng đồng đa tộc người, khu vực, toàn cầu. Điều đó chế định những bất đồng lớn và không

tránh khỏi những mâu thuẫn trong sự va chạm lợi ích giữa các nhóm xã hội - chính trị khác nhau.

Do những lợi ích hiện diện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nên việc phân định lĩnh vực xung đột giữa các tộc người là không đơn giản. Bởi vậy, khi phân tích nguyên nhân và diễn biến xung đột giữa các tộc người, cách tiếp cận có hiệu quả nhất là loại bỏ việc gán những sự kiện và hiện tượng tương thích với một khuôn mẫu nào đó, mà nên xem xét một cách khách quan những nguyên nhân và diễn biến của sự đấu tranh, đối địch của các lực lượng xã hội và tác động của nó đối với tình hình chính trị.

2. Một số nội dung cơ bản của xung đột tộc người

Các cuộc xung đột tộc người ngày càng gia tăng theo cấp số nhân cùng với những thiệt hại tương ứng của nó. Xung đột tộc người diễn ra hầu như ở tất cả các nước trên thế giới. Bởi vậy, khi việc giải quyết xung đột tộc người trên thế giới trở thành vấn đề quyết định cho nền hòa bình và an ninh thế giới, cần xác định được những điểm cốt lõi trong mối quan hệ của nó. Khi phân tích một cách khách quan các xung đột tộc người, phải phân tích cẩn thận tất cả các mặt của các hiện tượng như: văn hóa (lối sống, tập quán, tâm lý tộc người, tôn giáo, tín ngưỡng), xã hội, kinh tế, chính trị, luật pháp,...

Thứ nhất về văn hóa. Theo Samuel Huntington, nguồn gốc chính của xung đột trong thế giới mới sẽ không chỉ tập trung vào vấn đề hệ tư tưởng hay kinh tế, mà sự khác biệt văn hóa cũng là yếu tố quan trọng gây nên sự chia rẽ loài người và là nguồn chính dẫn đến xung đột giữa các thôn làng, các vùng, các nhóm tộc người, tôn giáo. “Thế giới trở nên khác hẳn trong đầu thập

kỷ 1990, nhưng không hẳn là hòa bình hơn trước. Thay đổi là tất yếu nhưng tiến bộ thì chưa hẳn” (Huntington, 1993: 22-49). Sự va chạm về văn hóa mà Huntington bàn tới ở đây là các cuộc xung đột tộc người, tôn giáo.

Tâm lý tộc người liên quan chặt chẽ với văn hóa, với quá khứ lịch sử và hệ thống giá trị của nhân dân. Một hệ thống chính trị ổn định sẽ được hình thành ở những nước đa tộc người mà nhân dân ở đó có một nền văn hóa chính trị cùng một kiểu hoặc các nền văn hóa có tính gần gũi. Trái lại, sự khác biệt về văn hóa là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra xung đột và phong trào ly khai của những tộc người thiểu số vốn có truyền thống văn hóa khác biệt với tộc người đa số thống trị. Trong những trường hợp như vậy, những xung đột giữa các tộc người có tính chất tiềm ẩn hoặc công khai sẽ kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Những xung đột xảy ra giữa các tộc người trên cơ sở khác biệt văn hóa, thông thường do sự chuyển hóa ngôn ngữ một cách áp đặt, bắt buộc, hoặc do việc phá vỡ các yếu tố văn hóa và những chuẩn mực truyền thống trong lối sống, tôn giáo, tín ngưỡng. Điều đó khiến triển vọng liên kết tộc người bị phá vỡ và không tránh khỏi những phản ứng tự vệ (gây hấn, chạy trốn,...). Sự phá vỡ liên kết văn hóa sẽ dẫn đến phá vỡ cơ cấu tộc người, đe dọa chính bản thân sự tồn tại của tộc người.

Trong các nhóm xã hội của tộc người, cần đặc biệt chú ý tới tầng lớp trên, có thể là những tù trưởng bộ lạc, thủ lĩnh quân sự, những già làng, thầy mo, trí thức, văn nghệ sĩ, quân nhân. Thông thường, sự bất bình và xa lánh của những tầng lớp trên ấy, theo thời gian, sẽ là tiền đề và điều kiện làm nảy sinh xung đột tộc người, và là một biến dạng của

phong trào xã hội - tộc người. Chính những đại biểu của tầng lớp trên ấy sẽ hợp thành nòng cốt cơ bản của lực lượng được xem là lãnh tụ của dư luận xã hội, hình thành và bảo vệ các lợi ích của cộng đồng. Mức độ ủng hộ của quần chúng nhân dân phụ thuộc vào sự trưởng thành chính trị của các lãnh tụ này và của chính quần chúng. Mức độ và tính chất xung đột giữa các nhóm trong tộc người phụ thuộc một phần quan trọng vào cách giải quyết của tầng lớp thống trị, từ sự áp đặt có tính chất cực quyền đến sự đối thoại có tính chất xây dựng và tìm kiếm giải pháp chính trị tối ưu.

Thứ hai về kinh tế - xã hội. Đây là một trong những vấn đề phức tạp nhất của phương pháp luận, nó nảy sinh khi phân tích xung đột giữa các tộc người. Những nhân tố kinh tế - xã hội sẽ tác động đa chiều trong tất cả các cuộc xung đột tộc người, và ý nghĩa của chúng cũng khác nhau. Chúng có thể giữ một vai trò nhất định, có thể là một trong những nguyên nhân hoặc chất xúc tác của xung đột, có thể phản ánh thực tế không bình đẳng về kinh tế - xã hội, phản ánh sự phân biệt đối xử. Những khác biệt về kinh tế giữa các vùng miền không chỉ xuất hiện ở các quốc gia đa tộc người, mà ở cả những nước có một tộc người, trong đó có những nước phát triển, và nói chung đối với tất cả các quốc gia lớn. Chúng được quy định trước hết bởi các nhân tố tự nhiên và địa lý, và là hậu quả của những nguyên nhân tự nhiên, cố nhiên không loại trừ hoạt động có ý thức của con người. Bởi vậy, khi phân tích nguyên nhân dẫn đến sự không đồng đều trong phát triển giữa các khu vực, vùng miền của một quốc gia đa tộc người, đòi hỏi phải có cách tiếp cận kinh tế - địa lý, nghĩa là phát hiện những nguyên nhân khách quan của việc phân bố các lực lượng sản xuất phụ thuộc vào các nguồn dự trữ

tự nhiên, vào sự tiện lợi về giao thông, mật độ dân số, điều kiện khí hậu, hay địa vị của khu vực ấy trong cơ cấu của các liên hệ kinh tế (danh mục, khối lượng và giá trị của những sản phẩm xuất nhập khẩu, đóng góp vào tổng sản phẩm quốc dân,...).

Thứ ba về chính trị. Đa số các trường hợp xung đột giữa các tộc người xảy ra khi những đại biểu của nhiều tập đoàn người khác nhau tranh giành các nguồn dự trữ và thu nhập, từ đất đai, thương nghiệp, kinh doanh, những chức vụ được bầu cho đến việc kiểm soát đối với chính quyền nhà nước, có nghĩa là cơ quan có quyền lực chính trị. Xung đột giữa các tộc người phản ánh sự cố gắng của những tầng lớp trên làm thay đổi sự phân tầng về tộc người đang tồn tại và đang được hình thành như là một trong những biến dạng của sự bất bình đẳng xã hội. Đến lượt mình, sự không bình đẳng về xã hội, cũng là sự không bình đẳng về chính trị, được thể hiện trong sự phân chia quyền lực chính trị có tính phân biệt đối xử. Hiến pháp của tất cả các nước đều công bố nguyên tắc bình đẳng của công dân trước pháp luật, trao cho công dân những khả năng như nhau trong lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, không phụ thuộc vào tộc người, chủng tộc. Nhưng thực tế ở nhiều nước lại không như vậy (Dẫn theo: Lê Hải Đăng, Phạm Minh Phúc, 2020: 38).

Thông thường, tỷ lệ đại biểu của các tộc người khác nhau trong hệ thống chính quyền không tương xứng và phù hợp với tỷ lệ của tộc người ấy trong toàn bộ cư dân. Những tộc người chiếm ưu thế về số lượng, ở tất cả các bậc thang quyền lực đều có số đại biểu chiếm đa số, và phần lớn các tộc người còn lại chỉ là thiểu số một cách không cân xứng. Có thể thấy rõ địa vị đặc quyền, đặc lợi của một số tộc người chiếm ưu thế này và sự phân biệt đối xử thực tế

đối với những tộc người khác. Đó là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến xung đột tộc người.

Trong các quốc gia đa tộc người, một trường hợp hết sức điển hình là khi các tộc người nhỏ bé, thiểu số, ở xa chính quyền trung ương và bị nỗi lo sợ bạo lực từ những tộc người thống trị ám ảnh, thì sẽ sinh ra chủ nghĩa ly khai. Bên cạnh đó, các nhóm đều ra sức củng cố địa vị của mình trong những thiết chế chính trị hiện hành, có những nhóm đòi trao quyền tự trị về lãnh thổ, thậm chí có những phần tử cực đoan và cấp tiến khác nhau lại mưu toan giành độc lập bằng cách đấu tranh vũ trang.

Điều đặc biệt là, không phụ thuộc vào màu sắc chính trị, nhiều nhóm khác nhau của người cầm đầu thuộc tộc người thiểu số cố gắng giành được chính quyền trong phạm vi lãnh thổ của cái “tổ quốc” nhỏ bé của mình, nhấn mạnh vào quyền của nhân dân đối với đất đai của tổ tiên và vào sự độc đáo của văn hóa truyền thống, cũng như sự khác biệt của mình so với tộc người đa số thống trị.

Chừng nào còn những yêu cầu như vậy của tộc người thiểu số, thì chừng đó tộc người thiểu số còn có sự khác biệt với tộc người đa số. Trong trường hợp đó, tộc người đa số nắm quyền thống trị quốc gia thường kết hợp, thậm chí đồng nhất quan niệm về tộc người của mình với tổ quốc, đất nước nói chung, phủ nhận chủ nghĩa phân lập địa phương, duy trì trên thực tế mọi sự bất bình đẳng với các tộc người thiểu số, với cư dân vùng ngoại vi, và ra sức độc quyền hóa quyền lực trong phạm vi cả nước. Việc đồng nhất những lợi ích của tộc người thống trị với các lợi ích quốc gia, từ đó tiến tới liên kết về xã hội - chính trị với các tộc người thiểu số, thậm chí bằng cách đồng hóa cưỡng bức, dẫn tới chỗ nhà

nước thực hiện một chính sách hà khắc đối với các tộc người thiểu số chủ mưu gây ra xung đột giữa các tộc người, hoặc giữa tộc người với quốc gia dân tộc (Lê Hải Đăng, Phạm Minh Phúc, 2020: 39).

3. Xung đột tộc người dưới góc nhìn của một số lý thuyết cơ bản

Xung đột tộc người trên thực tế bao trùm phạm vi rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của cấu trúc hệ thống xã hội. Do đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng xung đột tộc người, tôn giáo cũng là biểu hiện của xung đột xã hội, xung đột chính trị hay xung đột kinh tế giữa các nhóm xã hội, mà mỗi nhóm đó được đặc trưng bởi những yếu tố khác biệt như ngôn ngữ, tôn giáo, văn hóa,... Thực vậy, khi đi sâu phân tích có thể thấy lợi ích giai cấp, quyền lợi kinh tế, chính trị mới chính là động lực thúc đẩy xung đột. Một khi các đặc trưng tộc người được sử dụng để phân biệt các nhóm xung đột, nhất là những đặc trưng mang tính bản sắc, hay tính tự tôn tộc người có sức động viên mạnh mẽ như văn thường gặp, thì yếu tố tộc người quả thực đóng một vai trò quyết định đối với bản chất và động thái của xung đột.

Thuyết xung đột, do K. Marx (1818-1883) và F. Engels (1820-1895) khởi xướng, nhấn mạnh đến sự mâu thuẫn, xung đột và biến đổi xã hội. Luận điểm gốc của thuyết này là: sự khan hiếm nguồn lực, bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lực, quyền lực và sự phân công lao động nên quan hệ giữa các cá nhân, nhóm xã hội luôn trong trạng thái mâu thuẫn, cạnh tranh, xung đột lẫn nhau. Theo Marx và Engels, toàn bộ sự phát triển xã hội từ buổi đầu văn minh đến nay diễn ra trong sự mâu thuẫn thường xuyên và chính sự mâu thuẫn, đấu tranh là nguồn gốc, động lực của sự biến đổi, phát triển xã hội (*C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập*, tập 1, 1995: 570).

Sau Marx và Engels, các nhà tư tưởng khác cũng đưa ra những chiều kích khác nhau về mâu thuẫn, xung đột. L.A. Coser (1913-2003) đã phân tích, lý giải nguồn gốc, nguyên nhân phát sinh xung đột xã hội từ các trạng thái căng thẳng giữa các cá nhân. R. Dahrendorf (1929-2009) đưa ra mô hình và sự cần thiết quản lý, giải tỏa xung đột xã hội. Ông cho rằng mâu thuẫn, xung đột xã hội có chức năng tăng cường tính thích ứng của tổ chức xã hội, bảo đảm tính liên tục của xã hội. Xung đột xã hội có thể đem lại sự thay đổi tiến bộ cho xã hội. Lý thuyết mâu thuẫn nhìn nhận xã hội - tôn giáo về cơ bản luôn có sự chia rẽ, mâu thuẫn và xung đột giữa các cá nhân hoặc nhóm xã hội - tôn giáo khác nhau. Mâu thuẫn là một hiện tượng không thể tránh khỏi trong đời sống xã hội, là thuộc tính vốn có của quá trình phát triển. Nắm được quy luật, giải quyết, giải tỏa và quản lý xung đột xã hội - tôn giáo theo xu hướng phát triển khách quan thì mâu thuẫn, xung đột xã hội - tôn giáo không sinh ra những điểm nóng tôn giáo hoặc điểm nóng chính trị, xã hội - tôn giáo (Xem: Phạm Minh Anh, 2018: 114).

Tuy các nhà nghiên cứu chưa đưa ra khái niệm mâu thuẫn xã hội - tôn giáo, nhưng dựa vào lý thuyết mâu thuẫn, có thể khẳng định mâu thuẫn xã hội - tôn giáo là một dạng mâu thuẫn xã hội. Song, đây là một loại mâu thuẫn tổng hợp, phức tạp với những loại hình như: mâu thuẫn giữa tôn giáo với tôn giáo (đây là loại mâu thuẫn phức tạp nhất, bởi nó liên quan đến đức tin tôn giáo); mâu thuẫn giữa tôn giáo với các thể chế chính trị (thuộc loại mâu thuẫn ý thức hệ); mâu thuẫn trong nội bộ tôn giáo (mâu thuẫn lợi ích); mâu thuẫn giữa tôn giáo với văn hóa và mâu thuẫn giữa tôn giáo với xã hội (phong hóa, phong

tục, đạo đức, lối sống). Hai loại hình sau thường xảy ra khi có hoạt động truyền giáo dẫn đến việc cải đạo (Phạm Minh Anh, 2018: 115).

Tiếp cận của M. Weber (1864-1920) về vấn đề xung đột tương phản với triết lý của Marx. Trong khi Marx tập trung vào cách thức, hành vi cá nhân được quy định bởi cấu trúc xã hội thì Weber lại nhấn mạnh tầm quan trọng của hành động xã hội, tức là khả năng của cá nhân làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội của họ.

Thuyết cấu trúc - chức năng (đại diện tiêu biểu là A. Comte, H. Spencer, E. Durkheim, T. Parsons...) coi xã hội như một sinh thể hữu cơ đặc biệt với hệ thống gồm các thành phần có những chức năng nhất định tạo thành cấu trúc ổn định. Lý thuyết cấu trúc - chức năng cho rằng: (1) mọi hệ thống đều bao gồm các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau và mạng lưới các mối quan hệ đó tạo thành cấu trúc của hệ thống; (2) mỗi yếu tố của hệ thống, đến lượt nó, đều có thể là một hệ thống con (tiểu hệ thống) và dưới tiểu hệ thống lại có thể có những hệ thống nhỏ hơn nữa; và (3) mọi hệ thống đều có quan hệ mật thiết với môi trường cảnh quan xung quanh chúng. Các tác giả của thuyết chức năng đều nhấn mạnh tính liên kết chặt chẽ của các bộ phận cấu thành nên một chỉnh thể mà từng bộ phận có chức năng nhất định, góp phần đảm bảo sự tồn tại của chỉnh thể đó với tư cách là một cấu trúc tương đối ổn định, bền vững. Sự biến đổi chức năng của các bộ phận sẽ kéo theo sự biến đổi cấu trúc của cả chỉnh thể xã hội. Thuyết cấu trúc - chức năng lý giải và đưa ra cách giải quyết không chỉ các chức năng tích cực mà cả các mặt tiêu cực của nó. Ngoài ra, nó còn tập trung vào sự cân bằng giữa các chức năng và phi chức năng cũng như nhấn mạnh vai

trò của trạng thái cân bằng động trong sự biến đổi cấu trúc xã hội.

Theo đó, một tộc người là một tiểu hệ thống trong hệ thống xã hội, bao gồm các thành phần liên kết với nhau dựa trên nền tảng văn hóa chung, được vận hành thông qua các thiết chế chính trị của nó, các yếu tố này cũng tạo thành một cấu trúc có quan hệ với môi trường xung quanh. Theo cách tiếp cận này, một mặt sẽ thấy được toàn bộ hệ thống cấu trúc của một tộc người, mặt khác là sự tương tác giữa chúng trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể (Phạm Minh Anh, 2018: 112).

Theo quan điểm của C. Wright Mills, cấu trúc xã hội được tạo ra thông qua các cuộc xung đột giữa những người có lợi ích và nguồn lực khác nhau. Các cá nhân và các nguồn tài nguyên, lần lượt, đều bị chi phối bởi cấu trúc do sự phân phối không công bằng về quyền lực và các nguồn lực trong xã hội. Ở Hoa Kỳ, các tầng lớp quyền lực của xã hội đã nổi lên từ sự hợp nhất của các tầng lớp doanh nghiệp, Mills cho rằng lợi ích của tầng lớp này trái ngược với những người khác. Ông đưa ra giả thuyết rằng các chính sách của tầng lớp quyền lực sẽ dẫn đến sự leo thang của cuộc xung đột, sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt, và có thể dẫn đến sự hủy diệt của loài người (Mills, 2000).

Thuyết trung tâm - ngoại vi cho rằng có sự mâu thuẫn giữa hạt nhân (trung tâm) thống trị và phát triển hơn với vùng ngoại vi lạc hậu, lệ thuộc vào trung tâm. M. Hechter còn gắn những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều với những khác biệt về tộc người một cách chặt chẽ hơn. Việc đưa gộp vùng ngoại vi vào hệ thống kinh tế chung của quốc gia không những không làm xích gần những tộc người tiếp xúc với nhau mà ngược lại còn

gây nên sự phân tầng về xã hội tộc người nhanh hơn. Những người đại diện của hạt nhân giữ địa vị tầng lớp cao trong hình chóp xã hội - giai cấp (thương nghiệp, tài chính, kinh doanh), còn những cư dân vùng ngoại vi hợp thành nguồn lao động kinh tế cơ bản, phụ thuộc vào những nhu cầu của hạt nhân. Sự ý thức về địa vị lệ thuộc, không bình đẳng của mình sẽ kích thích những lãnh tụ của nhóm ngoại vi đấu tranh để phân chia lại quyền hạn và những nguồn dự trữ có lợi, nhờ vào sự giúp đỡ của tổ chức trên cơ sở cộng đồng tộc người. Đến lượt mình, nhóm thống trị lợi dụng những ưu thế ban đầu, ra sức củng cố và củng cố những hệ thống phân tầng đã hình thành, mưu toan điều tiết việc phân phối những nguồn dự trữ và những vai trò xã hội, hạn chế việc các cá thể trong thiểu số người vùng ngoại vi được tiếp cận vào những khâu thang bậc (cấp cao), bằng cách củng cố về luật pháp hoặc phân biệt đối xử trên thực tế.

Do địa vị kinh tế - xã hội và tính hạn chế của nguồn dự trữ, các nhóm ở vùng ngoại vi, thậm chí trong một xã hội dân chủ, thường có ảnh hưởng chính trị không lớn. Nếu những nhóm ấy chỉ là thiểu số thì họ không thể gây áp lực với chính quyền trung ương. Đối với những cá thể di động về mặt xã hội, họ chỉ có hai cách: 1) Gia nhập tầng lớp thống trị, từ bỏ nguồn gốc tộc người của mình; 2) Giữ vai trò lãnh tụ tộc người hoặc để làm trung gian giữa các nhóm xã hội, hoặc để bảo vệ lợi ích của nhóm mình cho đến khi giành được độc lập. Trong trường hợp thứ hai, lãnh tụ của các nhóm vùng ngoại vi sẽ ra sức tăng cường sự đoàn kết tộc người. Hechter coi sự đoàn kết ấy như một yếu tố đặc biệt ảnh hưởng chiến lược chính trị (Nguyễn Hữu Tiến, 2001: 33).

Thuyết tiếp biến văn hóa diễn giải quá trình thay đổi văn hóa diễn ra do sự tiếp xúc của hai hệ thống văn hóa độc lập; sự tiếp xúc đó làm tăng đặc tính của nền văn hóa này trong nền văn hóa kia. Quá trình trên luôn bao hàm sự tương tác phức tạp với các tiến trình phát triển xã hội kèm theo (Redfield et al, 1936: 149). Khi các nền văn hóa tiếp xúc với nhau, nền văn hóa trao tặng không thể đưa ra đầy đủ các yếu tố văn hóa của mình và hệ thống giá trị riêng của nền văn hóa tiếp nhận có thể đóng vai trò che chắn hoặc thay đổi những yếu tố nào đó. Tiếp biến văn hóa có thể có cấu trúc xã hội chặt chẽ làm xoay chuyển dòng chảy các yếu tố văn hóa giống như trong trường hợp đất đai xâm chiếm được hoặc các tình huống xung đột chính trị - xã hội khác. Tiếp biến văn hóa gồm nhiều quá trình khác nhau như truyền bá, thích nghi, phản ứng lại, với nhiều kiểu tái tổ chức văn hóa - xã hội sau quá trình tiếp xúc và sau cùng là “tan rã văn hóa”. Phạm vi điều chỉnh trong đó có giữ lại đặc điểm văn hóa chủ đạo (thuyết đa nguyên bền vững) hay đặc trưng hơn là nhóm tiếp xúc có ảnh hưởng lớn hơn đồng hóa nhóm yếu hơn và có sự hợp nhất về văn hóa (mặc dù hiếm xảy ra), do đó hai nền văn hóa có thể trao đổi các yếu tố để tạo nên một nền văn hóa kế cận đặc biệt. Vì tiếp biến văn hóa bao hàm sự tương tác của hai hay nhiều nhóm văn hóa riêng biệt nên sự tương tác xã hội giữa các nhóm sẽ quyết định kết quả thu được. Ví dụ, áp lực xã hội đặc biệt đi kèm với sự xâm chiếm có thể chứng tỏ hiệu quả trong hành vi phá vỡ các cơ cấu là nền tảng cho nhóm bị chinh phục duy trì văn hóa của mình, và những cuộc xung đột tộc người, tôn giáo thường bắt đầu từ đây. Trong các trường hợp khác, mức độ đi kèm cao có thể bảo vệ một nền văn hóa yếu kém về chính trị mặc dù có vẻ như tồn

tại vô số điều kỳ quặc. Hơn nữa, nếu vì bất cứ lý do nào mà nhóm văn hóa này từ chối công nhận tiếp biến văn hóa của nền văn hóa kia thì việc rút ngắn khoảng cách văn hóa (tiếp biến văn hóa) có thể sẽ không xảy ra cùng với việc rút ngắn khoảng cách xã hội tương ứng (đồng hóa) (Lê Hải Đăng, 2013: 42-44).

Thuyết chủ nghĩa thực dân nội địa nhận định xung đột giữa các tộc người sẽ nảy sinh khi có sự bất bình đẳng quan trọng về kinh tế, hoặc khi nhóm yếu thế trong xã hội ý thức được những sự bất bình đẳng ngay trong nhóm mình. Khi vốn có sự phân tầng về tộc người thì hệ thống chia rẽ về nghề nghiệp và lối sống sẽ làm giảm đi những mối liên hệ nội bộ của một nhóm tộc người và đồng thời lại làm phức tạp sự hình thành ý thức về giai cấp.

Nói chung, những quan niệm của thuyết chủ nghĩa thực dân nội địa và thuyết trung tâm - ngoại vi có không ít điểm chung với học thuyết mác xít về sự phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản và thu hút sự chú ý vào nguồn gốc quan trọng của xung đột tộc người. Đồng thời, thuyết chủ nghĩa thực dân nội địa lại có hai điểm trừ: *Thứ nhất*, do nhấn mạnh vào những khác biệt về kinh tế - địa lý nên đã đẩy xuống hàng thứ yếu khía cạnh xã hội của vấn đề, trước hết là sự phân hóa xã hội - giai cấp và sự tác động qua lại của nó với sự phân tầng về xã hội tộc người và sự phân biệt đối xử về xã hội chính trị, mà những vấn đề này lại giữ một vai trò quan trọng trong việc gây ra xung đột giữa các tộc người. *Thứ hai*, lý thuyết này chưa đưa ra được phát hiện nào khi có sự tương đồng hay khác biệt về kinh tế - xã hội và tộc người, những sự xung đột có tính chất tiềm ẩn, không công khai, mặc dầu bản thân những khác biệt và mâu

thuẫn ấy cũng chỉ gây ra xung đột giữa các tộc người trong những điều kiện nhất định (Nguyễn Hữu Tiến, 2001: 33).

4. Kết luận

Xung đột tộc người ở các quốc gia trên thế giới bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó một trong những nguyên nhân căn bản là xuất phát từ chính những sự khác biệt, xung đột về lợi ích giữa các tộc người dưới nhiều khía cạnh như kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử, xã hội... Ở một số nơi, trong các cuộc xung đột, yếu tố tôn giáo nổi lên đóng vai trò chính. Ví dụ như một bộ phận người thiểu số theo một tôn giáo với số ít tín đồ trong một quốc gia mà đa số người theo một tôn giáo khác lại nắm quyền cai trị nên gây ra sự bất bình của cộng đồng tộc người, tôn giáo đối lập. Cũng có trường hợp do có những người không chấp nhận sự thống trị của chính quyền đương thời nên đã gây ra những cuộc đấu tranh đòi ly khai,... Đó đều là những nguyên nhân gây nên xung đột.

Ngoài ra, một số tổ chức đang có xu hướng lợi dụng tộc người, tôn giáo để thực hiện mưu đồ chính trị. Các cuộc xung đột tộc người có yếu tố tôn giáo thường hết sức phức tạp, kéo dài và khó giải quyết do liên quan đến lịch sử, tộc người, đạo đức, truyền thống tôn giáo,... có khi ở một vùng miền, một quốc gia hay liên quan đến nhiều quốc gia; mâu thuẫn, xung đột giữa các tộc người ngày càng tăng, trở thành nhân tố gây mất ổn định ở nhiều nơi. Đây cũng chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới những bất ổn chính trị, kéo lùi sự phát triển của một đất nước.

Những cuộc xung đột tộc người, tôn giáo này đã tác động đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của chính các quốc gia xảy ra xung đột, đồng thời có ảnh hưởng đến các phương diện khác nhau của quan hệ chính

trị, kinh tế quốc tế. Nếu nghiên cứu coi các cuộc xung đột tộc người, tôn giáo như là những hiện tượng bột phát ngẫu nhiên, rời rạc, đơn lẻ. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng đan xen với nhau và phức hợp thì quan niệm này chưa thật toàn diện, đầy đủ và sâu sắc. Xung đột tộc người hết sức đa dạng, nên việc giải quyết xung đột ở mỗi nơi sẽ khác nhau, vì vậy, việc tìm ra những nguyên nhân nhằm có giải pháp đúng đắn nhất, giải quyết có hiệu quả nhất là nhiệm vụ quan trọng đối với mỗi quốc gia trong việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc bền vững □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Anh (2018), “Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
2. C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Phan Hữu Dật (chủ biên, 2001), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Lê Hải Đăng (2013), *Nghi lễ gia đình của người Tày Mường ở Nghệ An*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Hải Đăng, Phạm Minh Phúc (đồng chủ biên, 2020), *Xung đột tộc người, tôn giáo ở một số quốc gia trong những năm gần đây*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Huntington, Samuel P. (1993), “The Clash of Civilizations?”, *Foreign Affairs*, No. 72 (Summer).
7. Mills, C. Wright (2000), *Power Elite*, Oxford University Press.
8. Redfield et al (1936), “Memorandum for the study of acculturation”, *American Anthropologist*, Vol. 38, Issue 1.
9. Nguyễn Hữu Tiến (2001), “Về một số lý thuyết cơ sở nghiên cứu xung đột tộc người”, trong: *Thông tin chuyên đề: Tộc người, xung đột tộc người trên thế giới hiện nay*, Viện Thông tin Khoa học xã hội.
10. Cung Kim Tiến (2004), *Từ điển các nền văn minh tôn giáo*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

(tiếp theo trang 21)

Tài liệu tham khảo

1. *Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3671>, truy cập ngày 22/4/2021.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI*, Nxb.

Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.